UBND TỈNH TIỀN GIANG
SỞ Y TẾ

Số: 1788 /QĐ-SYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tiền Giang, ngày 01 tháng 8 năm 2019

BỆNH VIỆN TÂM THẦN
ĐẾN Số:
Ngày: 14/8/2019
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt đưa các dịch vụ kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện Tâm thần

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TIỀN GIANG

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế về việc Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 4359/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Tiền Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Tiền Giang;

Căn cứ đề nghị tại Công văn số 203/BVTT-KHTH ngày 04/7/2019 của Bệnh viện Tâm thần về việc đề nghị phê duyệt cập nhật danh mục dịch vụ kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện Tâm thần;

Căn cứ Biên bản thẩm định dịch vụ kỹ thuật trong khám, chữa bệnh theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/7/2019 tại Bệnh viện Tâm thần của Hội đồng chuyên môn kỹ thuật thẩm định dịch vụ kỹ thuật theo Quyết định số 1098/QĐ-SYT ngày 22/5/2019 của Sở Y tế;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt cập nhật Danh mục dịch vụ kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế thực hiện tại Bệnh viện Tâm thần gồm: 204 dịch vụ kỹ thuật (*danh mục kèm theo*).

Điều 2. Danh mục chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh được phê duyệt là cơ sở pháp lý cho việc thực hiện kỹ thuật, chuyển tuyến, thanh toán chi phí khám, chữa bệnh.

Điều 3. Giám đốc Bệnh viện Tâm thần chịu trách nhiệm đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân lực có trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện danh mục kỹ thuật đã được phê duyệt theo đúng các quy định chuyên môn và quy trình kỹ thuật.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế cho các Quyết định của Sở Y tế đã phê duyệt dịch vụ kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh thực hiện tại Bệnh viện Tâm thần trước đây.

Điều 4. Các Ông, Bà Trưởng các phòng chức năng thuộc Sở Y tế, Chánh Thanh tra Sở Y tế, Giám đốc Bệnh viện và các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- BHXH tỉnh (để phối hợp);
- Cổng Thông tin điện tử SYT (để đăng tải);
- Lưu VT, NVY.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ

Trần Thanh Thảo

PHỤ LỤC

Danh mục dịch vụ kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện Tâm thần

(kèm theo Quyết định số 1588/QĐ-SYT ngày 01/8/2019 của Sở Y tế).

Số tt	Số tt theo TT 43/2013/ TT-BYT	DỊCH VỤ KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
			A	B	C	D
1	01.0001	Theo dõi HA liên tục không xâm nhập tại giường ≤ 8 giờ	x	☒	x	
2	01.0002	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	x	☒	x	
3	01.0003	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường ≤ 8 giờ	x	☒	x	
4	01.0006	Đặt catheter tĩnh mạch ngoại biên	x	☒	x	x
5	01.0010	Chăm sóc catheter tĩnh mạch	x	☒	x	
6	01.0028	Theo dõi SPO_2 liên tục tại giường ≤ 8 giờ	x	☒	x	x
7	01.0032	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	x	☒	x	
8	01.0053	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu	x	☒	x	x
9	01.0057	Thở oxy qua gọng kính (≤ 8 giờ)	x	☒	x	x
10	01.0058	Thở oxy qua mặt nạ không có túi(≤ 8 giờ)	x	☒	x	x
11	01.0059	Thở oxy qua mặt nạ có túi có hít lại (túi không có van) (≤ 8 giờ)	x	☒	x	x
12	01.0060	Thở oxy qua mặt nạ có túi không hít lại (túi có van) (≤ 8 giờ)	x	☒	x	x
13	01.0061	Thở oxy qua ống chữ T	x	☒	x	x
14	01.0062	Thở oxy dài hạn điều trị suy hô hấp mạn tính ≤ 8 giờ	x	☒	x	x
15	01.0064	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em	x	☒	x	x
16	01.0065	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	☒	x	x
17	01.0066	Đặt ống nội khí quản	x	☒	x	
18	01.0075	Chăm sốc ống nội khí quản (một lần)	x	☒	x	
19	01.0077	Thay ống nội khí quản	x	☒	x	
20	01.0078	Rút ống nội khí quản	x	☒	x	
21	01.0079	Rút canuyn khí quản	x	☒	x	
22	01.0086	Khí dung thuốc cấp cứu (1 lần)	x	☒	x	x
23	01.0158	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	x	☒	x	x
24	01.0201	Soi đáy mắt cấp cứu	x	☒	x	
25	01.0213	Điều trị co giật liên tục ≤ 8 giờ	x	☒	x	
26	01.0215	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa	x	☒	x	x
27	01.0216	Đặt ống thông dạ dày	x	☒	x	x
28	01.0218	Rửa dạ dày cấp cứu	x	☒	x	x
29	01.0224	Cho ăn qua ống thông dạ dày (1 lần)	x	☒	x	x
30	01.0245	Cân người bệnh tại giường bằng cân treo hay cân	x	☒	x	

		điện tử				
31	01.0246	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	x	☒	x	x
32	01.0247	Hạ thân nhiệt chỉ huy	x	☒	x	
33	01.0248	Nâng thân nhiệt chỉ huy	x	☒	x	
34	01.0249	Giải strees cho người bệnh	x	☒	x	
35	01.0251	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (1lần chọc kim qua da)	x	☒	x	x
36	01.0252	Truyền thuốc dịch tĩnh mạch ≤ 8 giờ	x	☒	x	x
37	01.0262	Gội đầu cho người bệnh tại giường	x	☒	x	x
38	01.0264	Tắm cho người bệnh tại giường	x	☒	x	x
39	01.0265	Tắm tẩy độc cho người bệnh	x	☒	x	x
40	01.0266	Xoa bóp phòng chống loét	x	☒	x	x
41	01.0267	Thay băng cho vết thương hoại tử rộng (1 lần)	x	☒	x	
42	01.0269	Băng ép bất động sơ cứu rắn cắn	x	☒	x	x
43	01.0270	Garo hoặc băng ép cầm máu	x	☒	x	x
44	01.0275	Băng bó vết thương	x	☒	x	x
45	01.0276	Cố định tạm thời bệnh nhân gãy xương	x	☒	x	x
46	01.0277	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng	x	☒	x	x
47	01.0278	Vận chuyển bệnh nhân cấp cứu	x	☒	x	x
48	01.0281	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)	x	☒	x	x
49	02.0032	Khí dung thuốc giãn phế quản	x	☒	x	x
50	02.0085	Điện tim thường	x	☒	x	x
51	02.0140	Điều trị trạng thái động kinh	x	☒		
52	02.0145	Ghi điện não đồ thường quy	x	☒	x	
53	02.0150	Hút đàm hầu họng	x	☒	x	x
54	02.0165	Vệ sinh răng miệng cho bệnh nhân thần kinh tại giường	x	☒	x	
55	02.0188	Đặt sonde bàng quang	x	☒	x	
56	02.0195	Đo lượng nước tiểu 24 giờ	x	☒	x	
57	02.0339	Thụt tháo phân	x	☒	x	x
58	03.0105	Thổi ngạt	x	☒	x	x
59	03.0203	Cầm máu (vết thương đang chảy máu)	x	☒	x	x
60	03.0204	Vận chuyển người bệnh an toàn	x	☒	x	x
61	03.0259	Xử trí người bệnh không ăn	x	☒	x	
62	03.0268	Cấp cứu người bệnh tự sát	x	☒	x	x
63	03.0812	Vỗ rung lồng ngực	x	☒	x	x
64	03.0814	Tập ho	x	☒	x	x
65	03.0822	Tập vận động thụ động	x	☒	x	x
66	03.0862	Phục hồi chức năng cho người bệnh động kinh	x	☒	x	x
67	03.1510	Thay băng điều trị bỏng nông, dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	☒	x	
68	03.1516	Thay băng vết thương mãn tính	x	☒		
69	03.2387	Tiêm trong da	x	☒	x	x
70	03.2388	Tiêm dưới da	x	☒	x	x
71	03.2389	Tiêm bắp thịt	x	☒	x	x

72	03.2390	Tiêm tĩnh mạch	x	☒	x	x
73	03.2391	Truyền tĩnh mạch	x	☒	x	x
74	06.0001	Thang đáng giá trầm cảm BECK (BDI)	x	☒		
75	06.0002	Thang đáng giá trầm cảm Hamilton	x	☒		
76	06.0005	Thang đáng giá trầm cảm người già (GDS)	x	☒		
77	06.0007	Thang đáng giá lo âu- Trầm cảm - Stress (DASS)	x	☒		
78	06.0009	Thang đáng giá lo âu Zung	x	☒		
79	06.0010	Thang đáng giá lo âu - Hamilton	x	☒		
80	06.0013	Thang đáng giá mức độ tự kỷ (CARS)	x	☒		
81	06.0017	Thang đáng giá trạng thái tâm thần tối thiểu (MMSE)	x	☒		
82	06.0022	Thang đánh giá tập trung chú ý Bourdon	x	☒		
83	06.0023	Thang đáng giá tập trung chú ý Pictogram	x	☒		
84	06.0026	Thang đáng giá nhân cách MMPI	x	☒		
85	06.0029	Thang đáng giá nhân cách cattel	x	☒		
86	06.0030	Bảng nghiệm kê nhân cách hướng nội hướng ngoại (EPI)	x	☒		
87	06.0038	Đo điện não vi tính	x	☒		
88	06.0239	Trắc nghiệm RAVEN	x	☒		
89	06.0042	Sốc điện thông thường	x	☒		
90	06.0044	Liệu pháp thư giãn luyện tập	x	☒		
91	06.0045	Liệu pháp tâm lý nhóm	x	☒	x	x
92	06.0046	Liệu pháp tâm lý gia đình	x	☒	x	x
93	06.0048	Tư vấn tâm lý cho người bệnh và gia đình	x	☒	x	x
94	06.0049	Liệu pháp giải thích hợp lý	x	☒	x	
95	06.0050	Liệu pháp hành vi	x	☒		
96	06.0051	Liệu pháp ám thị	x	☒		
97	06.0053	Liệu pháp nhận thức	x	☒		
98	06.0055	Liệu pháp kích hoạt hành vi	x	☒	x	x
99	06.0056	Liệu pháp âm nhạc	x	☒		
100	06.0057	Liệu pháp Hội họa	x	☒		
101	06.0058	Liệu pháp thể dục, thể thảo	x	☒	x	x
102	06.0059	Liệu pháp tái thích ứng xã hội	x	☒	x	x
103	06.0061	Xử trí trạng thái loạn trương lực cơ cấp	x	☒		
104	06.0065	Xử trí hội chứng an thần kinh ác tính	x	☒		
105	06.0066	Xử trí trạng thái bồn chồn bất an do sử dụng thuốc hướng thần	x	☒	x	
106	06.0069	Xử trí hạ huyết áp tư thế	x	☒	x	x
107	06.0070	Xử trí ngộ độc thuốc hướng thần	x	☒	x	
108	06.0072	Xử trí trạng thái sảng rượu	x	☒		
109	06.0074	Test nhanh phát hiện chất gây nghiện trong nước tiểu	x	☒	x	
110	06.0076	Nghiệm pháp Naloxone chẩn đoán hội chứng cai các chất dạng thuốc phiện	x	☒		
111	06.0077	Điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng các thuốc hướng thần	x	☒	x	x

112	06.0078	Điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc methadone	x	☒		
113	06.0082	Điều trị nghiện chất dạng Amphetamine	x	☒		
114	06.0083	Điều trị nghiện rượu	x	☒		
115	06.0107	Xử trí trạng thái loạn động muộn	x	☒	x	x
116	07.0225	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	x	☒	x	x
117	07.0234	Cắt móng chân, chăm sóc móng trên người bệnh đái tháo đường	x	☒	x	x
118	07.0239	Hướng dẫn kỹ thuật tiêm Isulin	x	☒	x	x
119	07.0241	Tư vấn chế độ dinh dưỡng và luyện tập	x	☒	x	x
120	11.0079	Sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng nhiệt	x	☒	x	x
121	11.0080	Xử lí tại chỗ kì đầu tổn thương bỏng	x	☒	x	x
122	11.0081	Sơ cấp cứu bỏng do vôi tôi nóng	x	☒	x	x
123	11.0082	Sơ cấp cứu bỏng do acid	x	☒	x	x
124	11.0083	Sơ cấp cứu bỏng do dòng diện	x	☒	x	x
125	15.0220	Thay canuyn	x	☒	x	
126	15.0222	Khí dung mũi họng	x	☒	x	x
127	15.0301	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu , mặt, cổ	x	☒	x	x
128	15.0303	Thay băng vết mổ	x	☒	x	x
129	17.0035	Tập lăn trở khi nằm	x	☒	x	x
130	17.0092	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn	x	☒	x	x
131	17.0093	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt hai chân ra vào xe lăn	x	☒	x	x
132	17.0094	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt nửa người ra vào xe lăn	x	☒	x	x
133	18.0001	Siêu âm tuyến giáp	x	☒	x	
134	18.0015	Siêu âm ổ bụng (gan, mật ,lách ,tụy thận, bàng quang)	x	☒	x	
135	18.0016	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)	x	☒	x	
136	18.0054	Siêu âm tuyến vú hai bên	x	☒		
137	18.0067	Chụp X Quang sọ thẳng nghiêng	x	☒	x	x
138	18.0068	Chụp X Quang mặt thẳng nghiêng	x	☒	x	x
139	18.0070	Chụp X Quang sọ tiếp tuyến	x	☒	x	x
140	18.0072	Chụp X Quang Blondeau	x	☒	x	x
141	18.0075	Chụp X Quang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến	x	☒	x	
142	18.0081	Chụp X Quang răng cận chop (Periapical)	x	☒	x	x
143	18.0086	Chụp X Quang cột sống cổ thẳng nghiêng	x	☒	x	x
144	18.0087	Chụp X Quang cột sống cổ chếch hai bên	x	☒	x	
145	18.0088	Chụp X Quang cột sống cổ động, nghiên 3 tư thế	x	☒	x	
146	18.0089	Chụp X Quang cột sống cổ C1-C2	x	☒	x	
147	18.0090	Chụp X Quang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chếch	x	☒	x	x
148	18.0091	Chụp X Quang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	x	☒	x	x
149	18.0092	Chụp X Quang cột sống thắt lưng chếch hai bên	x	☒	x	x

150	18.0093	Chụp X Quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng	x	☒	x	x
151	18.0094	Chụp X Quang cột sống thắt lưng gập ưỡn	x	☒	x	
152	18.0096	Chụp X Quang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng	x	☒	x	
153	18.0097	Chụp X Quang khớp cùng chậu thẳng chếch hai bên	x	☒	x	
154	18.0098	Chụp X Quang khung chậu thẳng	x	☒	x	x
155	18.00100	Chụp X Quang khớp vai thẳng	x	☒	x	x
156	18.00101	Chụp X Quang khớp vai nghiêng hoặc chếch	x	☒	x	x
157	18.00102	Chụp X Quang xương bả vai thẳng nghiêng	x	☒	x	x
158	18.00103	Chụp X Quang xương cẳng tay thẳng nghiêng	x	☒	x	x
159	18.00104	Chụp X Quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	☒	x	x
160	18.00105	Chụp X Quang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle)	x	☒	x	x
161	18.00106	Chụp X Quang cẳng tay thẳng nghiêng	x	☒	x	x
162	18.00107	Chụp X Quang cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	☒	x	x
163	18.00108	Chụp X Quang xương bàn ngón tay, thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	☒	x	x
164	18.00109	Chụp X Quang khớp háng thẳng hai bên	x	☒	x	x
165	18.00110	Chụp X Quang khớp háng nghiêng	x	☒	x	
166	18.00111	Chụp X Quang xương đùi thẳng nghiêng	x	☒	x	x
167	18.00112	Chụp X Quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	☒	x	x
168	18.00113	Chụp X Quang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè	x	☒	x	
169	18.00114	Chụp X Quang xương cẳng chân thẳng nghiêng	x	☒	x	x
170	18.00115	Chụp X Quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	☒	x	x
171	18.00116	Chụp X Quang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	☒	x	x
172	18.00117	Chụp X Quang xương gót thẳng nghiêng	x	☒	x	x
173	18.00118	Chụp X Quang toàn bộ chi dưới thẳng	x	☒		
174	18.00119	Chụp X Quang ngực thẳng	x	☒	x	x
175	18.00 120	Chụp X Quang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên	x	☒	x	x
176	18.00121	Chụp X Quang xương ức thẳng nghiêng	x	☒	x	
177	18.00122	Chụp X Quang khớp ức đòn thẳng chếch	x	☒	x	
178	18.00123	Chụp X Quang đỉnh phổi ưỡn	x	☒	x	x
179	18.00130	Chụp X Quang thực quản dạ dày	x	☒		
180	22.0015	Nghiệm pháp rượu (Ethanol test)	x	☒	x	
181	22.0022	Nghiệm pháp dây thắt	x	☒	x	x
182	22.0121	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm Laser)	x	☒	x	x
183	23.0003	Định lượng Acid Uric	x	☒	x	
184	23.0007	Định lượng Albumin	x	☒	x	
185	23.0019	Đo hoạt độ ALT (GPT)	x	☒	x	

186	23.0020	Đo hoạt độ AST (GOT)	x	☒	x	
187	23.0027	Định lượng Bilirubin toàn phần	x	☒	x	
188	23.0030	Định lượng canxi ion hóa	x	☒	x	
189	23.0041	Định lượng Cholesterol toàn phần	x	☒	x	
190	23.0051	Định lượng Creatinin	x	☒	x	
191	23.0075	Định lượng Glucose	x	☒	x	
192	23.0077	Định lượng GGT (Gama Glutamyl Transferase)	x	☒	x	
193	23.0084	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	x	☒	x	
194	23.0112	Định lượng LDL-C (Lowdensity lipoprotein Cholesterol)	x	☒	x	
195	23.0133	Định lượng Protein toàn phần	x	☒	x	x
196	23.0158	Định lượng Tryglycerid	x	☒	x	
197	23.0166	Định lượng Urê	x	☒	x	
198	23.0173	Định tính Amphetamin (test nhanh)	x	☒	x	x
199	23.0194	Định tính Morphin (test nhanh)	x	☒	x	x
200	23.0196	Định tính Heroin (test nhanh)	x	☒	x	x
201	23.0206	Tổng phân tích nước tiểu (bằng máy tự động)	x	☒	x	x
202	24.0117	HbsAg test nhanh	x	☒	x	x
203	24.0144	HCVAb test nhanh	x	☒	x	x
204	24.0169	HIVAb test nhanh	x	☒	x	x

Tổng cộng: 204 danh mục./.